## Thực tiễn vận dụng tư duy đối ngoại:

Thực tiễn vận dụng tư duy đối ngoại mới thể hiện qua nhiều khía cạnh và chính sách cụ thể của các quốc gia. Dưới đây là một số ví dụ điển hình:

**1. Đa phương hóa quan hệ đối ngoại:**

* **Tham gia tích cực vào các tổ chức quốc tế:** Nhiều quốc gia đang tăng cường tham gia và đóng góp vào các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, WTO, ASEAN... để giải quyết các vấn đề toàn cầu và thúc đẩy hợp tác đa phương. Ví dụ, Việt Nam tích cực tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc.
* **Xây dựng và củng cố các liên minh và đối tác chiến lược:** Các quốc gia thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với nhiều nước trên thế giới, không chỉ giới hạn trong một vài đồng minh truyền thống. Điều này giúp đa dạng hóa quan hệ và tạo ra thế cân bằng trong bối cảnh quốc tế phức tạp.

**2. Chú trọng đến ngoại giao kinh tế:**

* **Đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế:** Các quốc gia chủ trương mở cửa nền kinh tế, tham gia các hiệp định thương mại tự do và thu hút đầu tư nước ngoài. Ví dụ, Việt Nam đã ký kết nhiều FTA quan trọng như CPTPP, EVFTA.
* **Sử dụng ngoại giao để phục vụ phát triển kinh tế:** Ngoại giao được sử dụng như một công cụ để thúc đẩy xuất khẩu, thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ.

**3. Tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực phi truyền thống:**

* **Hợp tác ứng phó với biến đổi khí hậu:** Các quốc gia hợp tác để giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với thiên tai và thúc đẩy phát triển bền vững. Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu là một ví dụ điển hình.
* **Hợp tác chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia:** Các quốc gia chia sẻ thông tin tình báo, phối hợp hành động để ngăn chặn và chống lại khủng bố, buôn bán ma túy, buôn người...
* **Hợp tác về an ninh mạng:** Các quốc gia hợp tác để xây dựng khung khổ pháp lý và kỹ thuật cho an ninh mạng, ứng phó với các mối đe dọa trên không gian mạng.

**4. Đẩy mạnh ngoại giao công chúng:**

* **Sử dụng mạng xã hội và các phương tiện truyền thông hiện đại:** Các quốc gia sử dụng mạng xã hội và các phương tiện truyền thông khác để truyền tải thông điệp, xây dựng hình ảnh quốc gia và tăng cường giao lưu văn hóa.
* **Tổ chức các sự kiện quốc tế:** Việc đăng cai tổ chức các sự kiện quốc tế lớn như hội nghị, hội thảo, sự kiện thể thao... là cơ hội để quảng bá hình ảnh đất nước và tăng cường hợp tác quốc tế.

**5. Linh hoạt và thích ứng:**

* **Điều chỉnh chính sách đối ngoại cho phù hợp với tình hình mới:** Các quốc gia phải liên tục đánh giá và điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình để thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của tình hình quốc tế.
* **Sẵn sàng đối thoại và hợp tác với tất cả các nước:** Tư duy đối ngoại mới hướng tới việc xây dựng quan hệ hòa bình và hợp tác với tất cả các quốc gia, bất kể sự khác biệt về thể chế chính trị.

## Những kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm:

### Thành tựu:

**Mở rộng quan hệ và hội nhập kinh tế quốc tế:**

Chủ trương đối ngoại của Việt Nam được khẳng định tại Ðại hội VII (1991), theo đó Việt Nam muốn là bạn, là đối tác với các nước trên thế giới và mở rộng, đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại. Thế giới quan mới về thời đại và cục diện thế giới, đã mở đường, tạo điều kiện để Việt Nam phá thế bao vây cô lập, phát triển rộng rãi quan hệ đối ngoại. Việt Nam, đã lần lượt bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc năm 1991, với Mỹ năm 1995, thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng, khu vực, các nước quan trọng trên thế giới và gia nhập ASEAN năm 1995.

Với chủ trương đường lối và quyết sách đúng đắn của Đảng, đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra tiền đề cần thiết cho giai đoạn phát triển mới của đất nước. Các xu thế hòa bình, toàn cầu hóa, dân chủ hóa của thời đại ngày càng được củng cố và tăng cường, là một trong những nước nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang phát triển năng động với tốc độ cao.

Bước đột phá mới là, Việt Nam đã tham gia Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA) và ký Hiệp định thương mại song phương với Mỹ năm 2001, gia nhập một loạt các cơ chế đa phương quan trọng như Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) năm 1996, Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) năm 1998, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007. Việt Nam đã đăng cai các hội nghị cấp cao của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp (1997), ASEAN (1998), ASEM (2005), APEC (2006), là Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an (HÐBA) Liên Hợp Quốc (LHQ) các nhiệm kỳ 2008 - 2009 và 2020 - 2021, Chủ tịch ASEAN vào các năm 1998, 2010 và 2020…

**Ðưa quan hệ đi vào chiều sâu và hội nhập quốc tế toàn diện:**

Ngày nay, trong tiến trình hội nhập quốc tế, công tác đối ngoại, đã góp phần lớn vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, tối đa hóa lợi ích quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế, mở rộng thị trường, thu hút công nghệ để đưa đất nước ngày càng phát triển. Việc thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, ngành Ngoại giao đã khơi thông, mở rộng và đưa quan hệ với nhiều đối tác ngày càng đi vào chiều sâu.

Từ Ðại hội XI (2011) đã nâng tầm từ hội nhập kinh tế sang "chủ động và tích cực hội nhập quốc tế" một cách toàn diện. Tư duy đối ngoại đa phương có bước chuyển quan trọng với Chỉ thị 25-CT/TW của Ban Bí thư năm 2018 về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030, chuyển mạnh từ "tham dự" sang "chủ động tham gia" và phát huy vai trò "nòng cốt", dẫn dắt của Việt Nam.

Công tác đối ngoại được triển khai ngày càng đồng bộ giữa các "binh chủng" đối ngoại với các định hướng công tác, phối hợp trong Chỉ thị số 04-CT/TW của Bộ Chính trị năm 2011 về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại Nhân dân trong tình hình mới và Chỉ thị số 32-CT/TW của Bộ Chính trị năm 2019 về tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đảng trong tình hình mới.

Hiện nay, Việt Nam đã xây dựng được mạng lưới 30 đối tác chiến lược và đối tác toàn diện, trong đó có tất cả các nước lớn, 17/20 thành viên G20, toàn bộ các nước ASEAN. Việt Nam chủ động đàm phán nhiều FTA, trong đó có hai FTA thế hệ mới là Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và ký Hiệp định RCEP. Việt Nam đã và đang tích cực tham gia quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN, thực hiện sứ mệnh gìn giữ hòa bình (PKO). Chúng ta cũng đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN 2020 và Ủy viên không thường trực HÐBA LHQ 2020 - 2021…

**Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại:**

Thời gian tới, bối cảnh quốc tế và khu vực sẽ tiếp tục biến chuyển nhanh chóng với nhiều yếu tố bất định. Hòa bình, hợp tác và phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập vẫn là xu thế lớn nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức từ cạnh tranh chiến lược nước lớn và dịch COVID-19. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trên thế giới, là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu. Song khu vực vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, trong đó có tình hình Biển Ðông và Mekong. Sau 35 năm đổi mới, thế và lực của Việt Nam đã lớn mạnh. Chính trị - xã hội ổn định, đồng thời quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên.

Để góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước và triển khai thắng lợi đường lối đối ngoại Đại hội XIII đã đề ra, theo Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Phạm Bình Minh, thời gian tới, cần thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, là: Xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với 3 trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân; củng cố tin cậy chính trị, mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các nước láng giềng, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đối tác quan trọng và các nước bạn bè truyền thống, trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau và phù hợp với luật pháp quốc tế; triển khai mạnh mẽ, hiệu quả, sáng tạo hơn nữa đối ngoại đa phương, chủ động, tích cực phát huy vai trò, đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự kinh tế - chính trị quốc tế; đặc biệt là ASEAN, LHQ, các cơ chế hợp tác liên nghị viện quốc tế và khu vực (như AIPA, IPU), APEC, hợp tác Tiểu vùng Mekong, cũng như trong các vấn đề quốc tế có tầm quan trọng chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện của Việt Nam…

### Bài học kinh nghiệm:

**Thuận lợi:**

Những thành tựu to lớn mà nước ta đạt được trong hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới, trước hết trên lĩnh vực kinh tế, là kết quả của cả một quá trình thực hiện nhất quán đường lối, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa với chủ trương chủ động và tích cực hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới. Những thành tựu đó đã tạo thêm niềm tin để nước ta càng vững bước trên đường hội nhập, tận dụng tốt nhất những cơ hội mới đang mở ra.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá mở ra khả năng cho nước ta, nhất là khi đã là thành viên chính thức WTO, tham gia nhanh và hiệu quả vào hệ thống phân công lao động quốc tế, tận dụng mọi nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển. Do vậy, chúng ta có cơ hội thuận lợi đẩy nhanh quá trình điều chỉnh cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động và rút ngắn thời gian vật chất của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong nền kinh tế toàn cầu hoá, các yếu tố như nguồn vốn, công nghệ sản xuất tiên tiến và khoa học quản lý hiện đại có sự lưu chuyển tự do nhanh chóng, cho nên các nước đều có khả năng tiếp cận, sử dụng với mức độ khác nhau. Cùng với dòng chảy khổng lồ về vốn, hàng loạt các hoạt động chuyển giao công nghệ sản xuất và khoa học quản lý tiên tiến được thực hiện, góp phần hữu hiệu vào sự lan toả rộng rãi của các làn sóng tăng trưởng hiện đại. Việc Việt Nam gia nhập các định chế, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực cũng như toàn cầu, nhất là WTO tạo cơ hội tiếp cận thị trường hàng hoá và dịch vụ ở tất cả các nước thành viên với mức thuế nhập khẩu đã được cắt giảm và các ngành dịch vụ mà các nước mở cửa theo quy định. Nước ta có điều kiện mở rộng thị trường xuất khẩu, từng bước mở rộng kinh doanh dịch vụ ra ngoài biên giới quốc gia. Với một nền kinh tế có độ mở lớn, kim ngạch xuất khẩu luôn chiếm trên 60% GDP thì điều này càng có ý nghĩa quan trọng, là yếu tố bảo đảm tăng trưởng của nước ta.

Trên lĩnh vực kinh tế, tiến trình hội nhập của nước ta ngày càng sâu rộng thì càng đòi hỏi phải hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh theo thông lệ quốc tế, thực hiện công khai, minh bạch các thiết chế quản lý làm cho môi trường kinh doanh của nước ta ngày càng được cải thiện. Đây là tiền đề rất quan trọng để phát huy tiềm năng của mọi thành phần kinh tế trong nước, là cơ hội để tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, bảo đảm tốc độ tăng trưởng bền vững hơn và rút ngắn khoảng cách phát triển. Mặt khác, gia nhập WTO đánh dấu bước phát triển về chất của tiến trình hội nhập, giúp nước ta có được vị thế bình đẳng như các thành viên khác trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, tiếng nói được tôn trọng hơn, có quyền thương lượng và khiếu nại công bằng hơn đối với các tranh chấp thương mại trong khuôn khổ WTO, có điều kiện để bảo vệ lợi ích của đất nước, của doanh nghiệp. Đồng thời, hội nhập vào nền kinh tế thế giới cũng thúc đẩy tiến trình cải cách trong nước, bảo đảm cho tiến trình cải cách của nước ta đồng bộ hơn, có hiệu quả hơn tạo ra động lực lớn thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền ngày càng vững mạnh.

Về khách quan, xu thế toàn cầu hoá tạo điều kiện cho tất cả các nước tham gia vào đời sống quốc tế, bày tỏ chính kiến, bảo vệ lợi ích, tập hợp lực lượng... nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược của mình. Quá trình hội nhập quốc tế làm cho các nước ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. Đây là cơ hội tích cực để có thể loại bỏ các biểu hiện của ý đồ thiết lập mối quan hệ một chiều chứa đựng sự áp đặt, chi phối của các cường quốc đối với đông đảo các quốc gia dân tộc khác trên thế giới, thúc đẩy sự hình thành một trật tự thế giới mới với cơ chế sinh hoạt quốc tế dân chủ, công bằng, bình đẳng hơn.

Hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập kinh tế quốc tế, cũng thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động giao lưu văn hoá và tri thức quốc tế, tăng cường sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau và tình hữu nghị giữa các dân tộc. Dưới ảnh hưởng đó, tri thức loài người, kết tinh cô đọng ở các phát minh, sáng chế khoa học, kỹ thuật, công nghệ... được phổ biến rộng rãi toàn thế giới, tạo động lực cho sự bùng nổ trí tuệ nhân loại. Cũng như nhiều nước khác, tiến trình hội nhập quốc tế của nước ta tạo ra cơ hội thuận lợi để chúng ta chia sẻ lợi ích do toàn cầu hoá đưa lại, đồng thời đóng góp thiết thực vào tiến trình phát triển hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực, dân chủ hoá các sinh hoạt quốc tế, tham gia đấu tranh thiết lập trật tự kinh tế quốc tế công bằng hơn, hợp lý hơn.

**Khó khăn:**

Tiến trình hội nhập quốc tế của nước ta hiện nay cũng như những năm tới không chỉ có thời cơ và thuận lợi, mà còn phải đối diện với nhiều thách thức lớn. Do đó, chúng ta cũng cần luôn nhận thức rõ những thách thức mà nước ta phải đối mặt để từ đó tìm ra biện pháp khắc phục hữu hiệu.

*Trước hết,* thách thức lớn nhất và dễ nhận thấy nhất xuất phát từ chỗ nước ta là một nước đang phát triển có trình độ kinh tế thấp, quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém và bất cập, doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân còn nhỏ bé, sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ nói riêng và của toàn bộ nền kinh tế nói chung còn nhiều hạn chế, hệ thống chính sách kinh tế, thương mại chưa hoàn chỉnh... Cho nên, nước ta sẽ gặp khó khăn lớn trong cạnh tranh cả ở trong nước cả trên trường quốc tế, cạnh tranh sẽ diễn ra gay gắt hơn, với nhiều đối thủ hơn, trên bình diện sâu hơn, rộng hơn. Do thực hiện những cam kết của một thành viên WTO, nhất là việc phải cắt giảm mạnh thuế nhập khẩu, mở cửa sâu rộng về kinh tế, trong đó có việc phải mở cửa các lĩnh vực thương mại hàng hoá và dịch vụ nhạy cảm cao như: ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, năng lượng, vận tải, chuyển phát nhanh, nông nghiệp... bởi vậy nguy cơ rủi ro kinh tế, tình trạng phá sản doanh nghiệp luôn hiện hữu và trở nên rất tiềm tàng. Ngoài ra, trong hội nhập kinh tế quốc tế, nhiệm vụ phát triển khu vực kinh tế tư nhân cũng đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề về nhận thức, cơ chế, chính sách,... Về cơ chế bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nước ta còn nhiều khó khăn về nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, bảo vệ thiết kế công nghiệp và người dân chưa có thói quen tuân thủ quyền sở hữu trí tuệ.

*Thứ hai,* trong quá trình hội nhập quốc tế, cũng như các nước đang phát triển khác, nước ta phải chịu sự ràng buộc của các quy tắc kinh tế, thương mại, tài chính - tiền tệ, đầu tư... chủ yếu do các nước phát triển áp đặt; phải chịu sức ép cạnh tranh bất bình đẳng và sự điều tiết vĩ mô bất hợp lý của các nước phát triển hàng đầu. Dựa vào sức mạnh kinh tế và  mức đóng góp vốn khống chế ở các thiết chế tài chính, tiền tệ và thương mại quốc tế, các nước này đặt ra các “luật chơi” cho phần còn lại của thế giới khi tham gia IMF, WB, WTO... Tự do hoá thương mại và tự do hoá kinh tế, đáng lẽ phải là cái đích cần vươn tới, thì bị họ xác định như xuất phát điểm, như điều kiện tiên quyết đối với các nước đang phát triển trong tiến trình hội nhập quốc tế. Trên thực tế, đây là hoạt động lũng đoạn của tư bản độc quyền quốc tế. Trong hoàn cảnh này, sự cạnh tranh kinh tế quốc tế và sự điều tiết vĩ mô nền kinh tế thế giới vẫn tiếp tục trở nên bất bình đẳng và bất hợp lý mà dĩ nhiên phần bất lợi lớn thuộc về tuyệt đại đa số các nước đang phát triển trong đó có nước ta.

*Thứ ba,* trên lĩnh vực xã hội, quá trình hội nhập quốc tế trong xu thế toàn cầu hoá đặt ra một thách thức nan giải đối với nước ta trong việc thực hiện chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với xoá đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Sở dĩ vậy là vì lợi ích của toàn cầu hoá được phân phối một cách không đồng đều, những nước có nền kinh tế phát triển thấp được hưởng lợi ít hơn. Trong phạm vi mỗi quốc gia cũng vậy, một bộ phận dân cư được hưởng lợi ích ít hơn, thậm chí còn bị tác động tiêu cực của toàn cầu hoá; nguy cơ thất nghiệp và sự phân hoá giàu nghèo sẽ tăng lên mạnh mẽ. Sức ép toàn diện khi nước ta thực hiện các cam kết với WTO sẽ đè nặng lên khu vực nông nghiệp là nơi có tới gần 70% dân số và lực lượng lao động xã hội, đồng thời chúng ta còn sự hạn chế lớn về sức cạnh tranh của hàng hóa, về sự chưa phù hợp của nhiều chính sách... Trong tình hình như đã nêu, cơ cấu xã hội có thể biến động phức tạp và khó lường, làm cho sự phân tầng, phân hoá xã hội cũng trở thành yếu tố tiêu cực đối với bản thân sự phát triển của đất nước.

*Thứ tư,* quá trình hội nhập quốc tế đặt ra những vấn đề mới về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trên lĩnh vực an ninh quốc gia, các nguy cơ đe doạ an ninh ngày càng phức tạp hơn, bên cạnh các hiểm hoạ mang tính truyền thống, đã xuất hiện các nguy cơ phi truyền thống (an ninh môi trường, dịch bệnh, khủng bố...); cục diện an ninh luôn thay đổi; công cụ, biện pháp, hình thức, cơ chế bảo đảm an ninh cũng cần phải đổi mới thường xuyên. Vấn đề gắn an ninh, quốc phòng với kinh tế và an ninh, quốc phòng với đối ngoại trở thành nhiệm vụ vừa cơ bản vừa cấp bách hiện nay của nước ta. Hội nhập quốc tế trong một thế giới toàn cầu hoá, tính tuỳ thuộc giữa các nước sẽ tăng lên. Sự biến động trên thị trường, cũng như tình hình chính chính trị khu vực và thế giới sẽ tác động mạnh đến thị trường và đời sống chính trị trong nước. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải có chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn, có năng lực dự báo và phân tích tình hình quốc tế, đồng thời cơ chế quản lý phải tạo cơ sở để nền kinh tế có khả năng phản ứng tích cực, hạn chế được ảnh hưởng tiêu cực trước những biến động trên thị trường thế giới, giữ vững an ninh kinh tế và ổn định chính trị- xã hội.

*Thứ năm,* trên lĩnh vực chính trị, tiến trình hội nhập quốc tế ở nước ta cũng đang đối diện trước thách thức của một số nguy cơ đe doạ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, sự lựa chọn định hướng chính trị, vai trò của nhà nước... Đã xuất hiện những mưu đồ lấy sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước để hạ thấp chủ quyền quốc gia; lấy một thị trường không biên giới để phủ nhận tính bất khả xâm phạm của toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; lấy các thiết chế quốc tế làm mô hình siêu nhà nước đứng trên các nhà nước quốc gia, áp đặt các giá trị dân chủ và nhân quyền phương Tây trong quan hệ quốc tế, đưa ra thuyết "nhân quyền cao hơn chủ quyền"... Hội nhập quốc tế đối với nước ta rõ ràng không thể tách rời cuộc đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" của các thế lực chống đối trên nhiều lĩnh vực.

## Vai trò của đối ngoại:

Tư duy đối ngoại đóng một vai trò then chốt trong việc định hình hành động và chính sách của một quốc gia trên trường quốc tế. Nó có thể được xem như là "hệ điều hành" chỉ đạo cách một quốc gia tương tác với thế giới bên ngoài. Cụ thể, vai trò của tư duy đối ngoại thể hiện ở các khía cạnh sau:

**Định hình chính sách đối ngoại:** Tư duy đối ngoại cung cấp khung khái niệm và nền tảng lý luận cho việc xây dựng và thực thi chính sách đối ngoại. Nó giúp xác định các mục tiêu, ưu tiên, và phương pháp hành động của một quốc gia trong quan hệ quốc tế. Một tư duy đối ngoại rõ ràng và nhất quán sẽ dẫn đến một chính sách đối ngoại hiệu quả và có định hướng.

**Dự đoán và ứng phó với các biến động quốc tế:** Tư duy đối ngoại giúp các nhà hoạch định chính sách phân tích, dự đoán và ứng phó với các biến động và thách thức trong môi trường quốc tế. Nó cung cấp các công cụ và phương pháp để đánh giá tình hình, xác định rủi ro và cơ hội, và đưa ra các quyết định phù hợp.

**Xây dựng và duy trì quan hệ quốc tế:** Tư duy đối ngoại ảnh hưởng đến cách một quốc gia xây dựng và duy trì quan hệ với các quốc gia khác. Một tư duy đối ngoại cởi mở và hợp tác sẽ thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế, trong khi một tư duy đối ngoại bảo thủ và đối đầu có thể dẫn đến căng thẳng và xung đột.

**Nâng cao vị thế và uy tín quốc tế:** Một tư duy đối ngoại tiến bộ, có trách nhiệm và đóng góp tích cực vào cộng đồng quốc tế sẽ giúp nâng cao vị thế và uy tín của một quốc gia trên trường quốc tế.

**Bảo vệ và thúc đẩy lợi ích quốc gia:** Tư duy đối ngoại giúp xác định và bảo vệ lợi ích quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Nó giúp cân bằng giữa lợi ích quốc gia và lợi ích chung, tìm kiếm các giải pháp cùng có lợi cho tất cả các bên.

**Định hình nhận thức của công chúng:** Tư duy đối ngoại của giới lãnh đạo có thể ảnh hưởng đến nhận thức của công chúng về các vấn đề quốc tế và vai trò của quốc gia trên trường quốc tế.

1. Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr. 84  
   (2), (3), (4), (5) Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), Sđd, tr. 224, 331, 22, 84  
   (6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1996, tr. 74  
   (7) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 43  
   (8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 25 - 26  
   (9) Văn kiện Đại hội đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), Sđd, tr. 622  
   (10) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. Chính trị quốc gia , Hà Nội, 2006, tr. 112  
   (11) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd, tr. 114

<http://mattran.org.vn/doi-ngoai-kieu-bao/qua-trinh-phat-trien-duong-loi-doi-ngoai-doc-lap-tu-chu-cua-dang-ta-trong-gan-40-nam-doi-moi-57341.html>

<https://tapchicongsan.org.vn/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825315/mot-so-suy-nghi-ve-nen-tang-va-noi-ham-cua-doi-moi-tu-duy-doi-ngoai-viet-nam.aspx>

<https://baodantoc.vn/thanh-tuu-doi-ngoai-viet-nam-trong-thoi-ky-doi-moi-va-xay-dung-dat-nuoc-1639467216079.htm>

<http://bienphongvietnam.gov.vn/hoi-nhap-quoc-te-nhung-thoi-co-thach-thuc-yeu-cau-doi-voi-hoat-dong-doi-ngoai-cua-viet-nam.html>